

Số: *16* /TB-PTCKH

Ninh Phước, ngày *06* tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức bán đấu giá vật tư thu hồi khi thực hiện di dời các công trình đường dây điện 220kV phục vụ giải phóng mặt bằng thi công đường bộ cao tốc Bắc – Nam đoạn Cam Lâm – Vĩnh Hảo đoạn qua huyện Ninh Phước (*gọi tắt là vật tư thu hồi*) và Vật chứng, tài sản tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước

Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND huyện Ninh Phước về việc phê duyệt giá khởi điểm vật tư thu hồi khi thực hiện di dời các công trình đường dây điện 220kV phục vụ giải phóng mặt bằng thi công đường bộ cao tốc Bắc – Nam đoạn Cam Lâm – Vĩnh Hảo đoạn qua huyện Ninh Phước để tổ chức bán đấu giá;

Căn cứ Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND huyện Ninh Phước về phê duyệt giá khởi điểm lô vật chứng, tài sản tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước để tổ chức bán đấu giá;

Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Ninh Phước Thông báo lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá vật tư thu hồi trên như sau:

1. Người có tài sản:

- Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Ninh Phước.
- Địa chỉ: Địa chỉ: Số 56, Quốc lộ 1A, khu phố 4, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.
- Điện thoại: 0259.3612156.

2. Tên tài sản, số lượng, giá khởi điểm tài sản đấu giá:

2.1. Lô thứ nhất: Vật tư thu hồi khi thực hiện di dời các công trình đường dây điện 220kV phục vụ giải phóng mặt bằng thi công đường bộ cao tốc Bắc – Nam đoạn Cam Lâm – Vĩnh Hảo đoạn qua huyện Ninh Phước.

- Giá khởi điểm: 269.820.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm hai mươi ngàn đồng).

2.2. Lô thứ hai: Vật chứng, tài sản tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước.

- Giá khởi điểm: 16.686.000đ (Mười sáu triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng). Cụ thể như sau:

+ Các loại xe mô tô, gắn máy không có số sườn, số máy, biển số, bị mục sườn, các bộ phận khác bị hỏng hoàn toàn không hoạt động được. Thanh lý bán phế liệu 04 xe mô tô, gắn máy với giá trị là 2.736.000đ (Hai triệu bảy trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

+ Các loại xe còn sử dụng được và đang hoạt động bình thường gồm 02 xe mô tô, gắn máy với giá trị định giá là 13.950.000đ (Mười ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá do tổ chức đấu giá tài sản chuẩn bị, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản. Cụ thể theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	<i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>	<i>11,0</i>
1.1	<i>Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)</i>	<i>6,0</i>
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện</i>	<i>5,0</i>
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	<i>Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá</i>	<i>4,0</i>
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá</i>	<i>4,0</i>
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp	4,0

	<i>luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</i>	
2	<i>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0
3	<i>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá</i>	4,0
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	4,0
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0

2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0

6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện

4. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ:

- Địa điểm: Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Ninh Phước.

- Thời gian nộp hồ sơ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản (trong giờ hành chính). Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp thì người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và CMND/CCCD; hoặc gửi theo đường bưu điện, hồ sơ gửi theo đường bưu điện được tính theo dấu bưu điện trước 16h của ngày kết thúc theo thông báo (lưu ý hồ sơ không được trả lại).

- Quy cách hồ sơ: 01 bản chính hoặc bản sao có chứng thực được để trong phong bì có dán niêm phong.

Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Ninh Phước sẽ có văn bản thông báo kết quả cho tổ chức đấu giá được lựa chọn, những đơn vị không được thông báo kết quả được hiểu là không được lựa chọn, Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Ninh Phước không hoàn trả hồ sơ với những đơn vị không được lựa chọn.

Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Ninh Phước thông báo đến các tổ chức đấu giá được biết và tham gia./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (B/c);
- Công TT ĐGTS Bộ TP;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT, CS.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH
Nguyễn Thanh Sang